

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **890/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-9-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Đức Tài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Nguyễn Tấn Đạt

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 591/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Lệ N., sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn A., sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Tại phiên tòa, bà Võ Thị Lệ N. có mặt, ông Nguyễn Tuấn A. vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại Đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, bản tự khai và tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N. trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Lệ N. và ông Nguyễn Tuấn A. tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số: 61/2004, quyển số I/P.TT, ngày 14/9/2004). Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại nhà số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về chăm sóc con cái. Cả hai không hiểu nhau, không tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra chiến tranh lạnh. Ông Tuấn A. còn thường xuyên xúc phạm, sỉ nhục bà N.. Ông Tuấn A. thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn phụ giúp gia đình. Ông Tuấn A. còn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và bắt bà N. phải trả nợ thay. Con chung là trẻ Nguyễn Võ Diễm A2., sinh ngày 10/11/2005 chứng kiến cảnh cha mẹ gây gổ, cãi vã nên thường xuyên bị trầm cảm, tâm lý dễ bị kích động. Bà N. đã cố gắng nói chuyện và hàn gắn nhưng ông Tuấn A. vẫn không chịu thay đổi. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên bà Võ Thị Lệ N. yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A..

+ Về con chung: Bà Võ Thị Lệ N. xác nhận bà và ông Nguyễn Tuấn A. có 01 (một) con chung tên Nguyễn Võ Diễm A2., sinh ngày 10/11/2005. Hiện trẻ Nguyễn Võ Diễm A2. đang do bà Võ Thị Lệ N. trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Võ Thị Lệ N. yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Diễm A2., sinh ngày 10/11/2005. Bà Võ Thị Lệ N. không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A. cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Bà Võ Thị Lệ N. khai bà và ông Nguyễn Tuấn A. không có tài sản chung.

+ Về nợ chung: Bà Võ Thị Lệ N. khai bà và ông Nguyễn Tuấn A. không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tuấn A.: dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các Giấy triệu tập đương sự nhưng ông Nguyễn Tuấn A. không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày.

- Bị đơn ông Nguyễn Tuấn A. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N.. Bà Võ Thị Lệ N. được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A.. Về con chung: Bà Võ Thị Lệ N. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Diễm A2., sinh ngày 10/11/2005. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Tuấn A. do bà Võ Thị Lệ N. không yêu cầu. Về tài sản chung: Bà N. khai không có nên không xét. Về nợ chung: Bà N. khai không có nên không xét. Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn ông Nguyễn Tuấn A. trong vụ án dân sự khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 61/2004, quyền số I/P.TT, ngày 14/9/2004 của Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, thì quan hệ giữa bà Võ Thị Lệ N. và ông Nguyễn Tuấn A. là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận. Căn cứ Đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ xác minh của Công an phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: ông Nguyễn Tuấn A., sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú tại số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 5 năm 2020 ông Nguyễn Tuấn A. đi đâu không rõ. Do bị đơn ông Nguyễn Tuấn A. có nơi cư trú cuối cùng tại phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N. có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – ông Nguyễn Tuấn A. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tuấn A. vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn A..

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, Đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn; Kết quả xác minh nơi cư trú của Công an phường Z, quận Tân Phú; công văn trả lời của Hội Liên Hiệp Phụ Nữ phường Z, quận Tân Phú về mâu thuẫn giữa các đương sự tại địa phương; Bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N.: Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Võ Thị Lệ N. và ông Nguyễn Tuấn A. thực tế có nhiều mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về cách chăm sóc con cái; về vấn đề kinh tế và chi tiêu cho gia đình, bản thân; về sự tôn trọng và chia sẻ giữa vợ chồng nên mâu thuẫn giữa bà N. và ông Tuấn A. ngày càng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, khiến cho tình cảm giữa bà N. và ông Tuấn A. ngày càng lạnh nhạt.

Từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay thì ông Tuấn A. bỏ nhà đi, không rõ ở đâu. Từ đó cho đến nay, ông Tuấn A. không về nhà và không thể hiện sự cố gắng hòa giải để đoàn tụ gia đình. Và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Tuấn A. vẫn không có mặt và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án. Tất cả những việc này thể hiện bị đơn ông Nguyễn Tuấn A. đã không còn thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N. được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A..

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị Lệ N. xác nhận bà và ông Nguyễn Tuấn A. có 01 (một) con chung tên Nguyễn Võ Diễm A2., sinh ngày 10/11/2005. Hiện trẻ Nguyễn Võ Diễm A2. đang do bà Võ Thị Lệ N. trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của trẻ Nguyễn Võ Diễm A2., Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Võ Thị Lệ N. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Diễm A2., sinh ngày 10/11/2005 là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị Lệ N. không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A. cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Tuấn A..

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

Bà Võ Thị Lệ N. và ông Nguyễn Tuấn A. có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.5] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Lệ N. khai bà và ông Tuấn A. không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Về nợ chung: Bà Võ Thị Lệ N. xác nhận bà và ông Tuấn A. không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về các vấn đề khác: Hội đồng xét xử xét thấy cần giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn ông Nguyễn Tuấn A. trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Võ Thị Lệ N. phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Lệ N. được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A..

Quan hệ hôn nhân của bà Võ Thị Lệ N. và ông Nguyễn Tuấn A., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 61/2004, quyển số I/P.TT, ngày 14/9/2004 của Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Võ Thị Lệ N. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Diễm A2., sinh ngày 10/11/2005.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Tuấn A. do bà Võ Thị Lệ N. không yêu cầu.

[5] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Lệ N. xác nhận bà và ông Nguyễn Tuấn A. không có tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Bà Võ Thị Lệ N. xác nhận bà và ông Nguyễn Tuấn A. không có nợ chung.

[8] Về các vấn đề khác: Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn ông Nguyễn Tuấn A. trong vụ án dân sự khác.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Lệ N. phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0020789 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Lệ N. đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[10] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**Lâm Đức Tài**